

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4917 /QĐ-UBND

Tân Phú, ngày 04 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt dự án Nâng cấp Trụ sở UBND xã Nam Cát Tiên

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định về thẩm quyền quyết định đầu tư; thẩm quyền, trình tự thẩm định dự án đầu tư; thẩm quyền phê duyệt thiết kế và dự toán, thẩm định thiết kế và dự toán dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của UBND huyện Tân Phú về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp Trụ sở UBND xã Nam Cát Tiên;

Căn cứ Quyết định số 2965/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 của UBND huyện Tân Phú về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Tân Phú (đợt 6);

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án huyện Tân Phú tại Tờ trình số 848/TTr-BQL ngày 23/9/2024 và Văn bản số 355/KT&HT ngày 28/10/2024 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Báo cáo số 274/BC-TCKH ngày 31/10/2024 của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Nâng cấp Trụ sở UBND xã Nam Cát Tiên với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp Trụ sở UBND xã Nam Cát Tiên.
2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Tân Phú.
3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án huyện Tân Phú.
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu: Xây dựng một trụ sở ủy ban khang trang, trong đó có đầy đủ các hạng mục như: Khối Đảng ủy, khối ủy ban, các phòng ban ngành, nhà xe, sân đường, thảm cỏ cây xanh... nhằm tạo môi trường làm việc, quản lý tốt cho cán bộ, công nhân viên chức góp phần hoàn thiện hơn chất lượng quản lý, điều hành tại địa phương.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng: Sửa chữa Khối nhà ủy ban với diện tích xây dựng khoảng 515m<sup>2</sup>, 02 tầng. Sửa chữa, mở rộng Khối nhà xã đội với diện tích xây dựng khoảng 270m<sup>2</sup>, 01 tầng. Xây mới Khối hội trường 300 chỗ với diện tích xây dựng khoảng 510m<sup>2</sup>, 01 tầng. Xây mới Khối Đảng ủy & Đoàn thể với diện tích xây dựng khoảng 357m<sup>2</sup>, 02 tầng. Xây mới nhà xe có diện tích khoảng 120m<sup>2</sup>. Giếng khoan + Bể ngầm. Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước. Hệ thống cây xanh cảnh quan và cây xanh thảm cỏ. Hệ thống PCCC, báo cháy và chống sét... Tháo dỡ công trình hiện hữu. Đầu tư trang thiết bị hoàn chỉnh.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:

- Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty TNHH Thanh Thanh Quý.

- Tổ chức lập khảo sát địa hình: Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Song Mã.

- Tổ chức lập khảo sát địa chất: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Kiến Quốc.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng: Xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

Dự án nhóm C; Công trình dân dụng, cấp III; Thời hạn sử dụng của công trình chính theo tiêu chuẩn thiết kế được duyệt.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.



9. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Tổng mức đầu tư	:	28.952.259.845 đồng
- Chi phí xây dựng	:	16.967.012.915 đồng
- Chi phí thiết bị	:	4.509.908.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	554.621.708 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	1.814.288.701 đồng
- Chi phí khác	:	259.017.713 đồng
- Chi phí dự phòng	:	4.847.410.808 đồng

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có): Tiến độ thực hiện tối đa 03 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Ngân sách huyện, dự kiến trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không.

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có): Không.

15. Các nội dung khác: Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung đề xuất trong các hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kết quả thẩm tra và an toàn, chất lượng xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

- Chủ đầu tư căn cứ các nội dung đã được phê duyệt, thực hiện các hồ sơ, trình tự, thủ tục về đất đai, môi trường, xây dựng và các thủ tục khác có liên quan theo đúng quy định. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện, yêu cầu Chủ đầu tư tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng và bảo trì công trình, bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định; nghiên cứu thực hiện các ý kiến thẩm định của các phòng, đơn vị liên quan.

- Chủ đầu tư thực hiện báo cáo giám sát đánh giá đầu tư theo quy định.

#### **Điều 3. Điều khoản thi hành:**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.



2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện; Trưởng phòng các Phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Giám đốc Ban Quản lý dự án huyện; Chủ tịch UBND xã Nam Cát Tiên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ch*

**Nơi nhận:**

- Như Khoản 2 Điều 3;
  - Chủ tịch và các PCT.UBND huyện;
  - Lưu: VT, TH (Khối KT).
- <Chiến.8b>



**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Duy Thi**

T. B. D. M.

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Quyết định số 4917 /QĐ-UBND ngày 04 /11/2024  
của UBND huyện Tân Phú)

Stt	Nội dung chi phí	Thành tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>16.967.012.915</b>
1	Công trình dân dụng	13.274.035.915
2	Công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật	3.692.977.000
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ THIẾT BỊ</b>	<b>4.509.908.000</b>
1	Công trình dân dụng	3.259.908.000
2	Công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật	1.250.000.000
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>554.621.708</b>
1	Công trình dân dụng	443.094.666
2	Công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật	111.527.042
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>	<b>1.814.288.701</b>
1	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	186.895.231
2	Chi phí khảo sát địa chất	200.000.000
3	Chi phí khảo sát địa hình	50.000.000
4	Chi phí do vẽ bản đồ địa chính, cắm mốc ranh đất	15.000.000
5	Chi phí giám sát công tác khảo sát	10.790.800
6	Chi phí lập hồ sơ xin phép môi trường	100.000.000
7	Chi phí thiết kế BVTC - dự toán xây dựng công trình	499.667.199
8	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	38.497.866
9	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng công trình	37.506.394
10	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	37.551.124
11	Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình	493.501.216
12	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	64.210.614
13	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT thi công xây dựng	33.934.025
14	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thiết bị	15.738.863
15	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT thiết bị	8.855.820
16	Chi phí thẩm định giá thiết bị	22.139.549



